TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-PT
Ngày 12/06/2017
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Nhung**

Các thẩm phán: Ông **Đinh Quang Nghĩa**

Ông **Bùi Văn Tuấn**

- Thư ký phiên toà: Bà **Hà Thanh Hương –** Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Bà **Trần Thị Hương Huyền** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26/05/2017 và 12/06/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2017/TLPT-HNGĐ ngày 20/04/2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 11/01/2017 của Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2017/QĐ-PT ngày 12/05/2017; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 26/05/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Phạm Thị H** – sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: anh **Bùi Thành C** – sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm C, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Bùi Thành C

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Thành C kết hôn tự nguyện, có

đăng ký kết hôn tại UBND xã T, TX. Q, tỉnh Quảng Ninh năm 2011. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm. Tuy nhiên, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do cả hai thường xuyên cãi nhau, anh C thường xuyên đánh đập chị. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân thực tế không tồn tại, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Thành C.

Anh Bùi Thành C trình bày: Anh đồng ý với trình bày của chị H về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là do chị H mắc bệnh trầm cảm sau sinh nên hai người thường xuyên xô xát, cãi nhau. Nay chị H có yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Ngọc A, sinh ngày 01/09/2011. Khi ly hôn, chị H và anh C đều có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị H yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành. Anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 11/01/2017, Toà án nhân dân thị xã Q đã căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 1 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 4 Điều 207, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị H và anh Bùi Thành C. Chị Phạm Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Bùi Ngọc A, sinh ngày 01/09/2011 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Hàng tháng anh Bùi Thành C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi con chung Bùi Ngọc A, sinh ngày 01/09/2011 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/01/2017, bị đơn là anh Bùi Thành C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 11/01/2017 của Toà án nhân dân thị xã Q về phần con chung, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử lại theo hướng cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Ngọc A và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Thành C. Sửa án sơ thẩm giao con chung Bùi Ngọc A cho anh C nuôi dưỡng giáo dục, chị H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H có quyền qua lại thăm nom con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét kháng cáo của anh Bùi Thành C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về con chung: Anh C và chị H có 01 con chung là Bùi Ngọc A, sinh ngày 01/09/2011. Đối với yêu cầu nuôi con, chị H và anh C đều có yêu cầu được nuôi con. Án sơ thẩm đã giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng với các căn cứ là hiện tại cháu A đang ở với chị H, cháu còn nhỏ, lại là con gái, chị H sau sinh bị mắc bệnh trầm cảm, do đó không nên thay đổi người nuôi dưỡng, nếu thay đổi có thể ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lý của chị H. Song xét thấy trong giai đoạn xét xử phúc thẩm anh C đã cung cấp chứng cứ cho Tòa phúc thẩm đó là hiện tại chị H bị mắc bệnh tâm thần phân liệt. Tòa phúc phẩm cũng đã tiến hành xác minh tại bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần Quảng Ninh, bệnh viện đã cung cấp hồ sơ bệnh án thể hiện chị H vào viện ngày 01/5/2017 ra viện ngày 15/5/2017 chuẩn đoán tâm thần phân liệt. Theo xác nhận của Bệnh viện bệnh lý tâm thần phân liệt chỉ có thể điều trị để ổn định bệnh, bệnh vẫn có khả năng tái phát, bệnh lý tâm thần phân liệt là bệnh nhân không phát bệnh liên tục, khi bệnh ổn định vẫn nhận thức và làm chủ hành vi của bản thân, tâm thần phân liệt là bệnh lý mãn tính, không thể khỏi hoàn toàn và vẫn có khả năng tái phát, khác với trầm cảm sau sinh là bị trầm cảm một thời gian sau khi sinh nở và có thể khỏi hoàn toàn. Như vậy theo xác nhận của bệnh viện chị H bị bệnh tâm thần phân liệt là bệnh lý mãn tính, bệnh vẫn có khả năng tái phát, tinh thần không ổn định nên nếu giao cháu A cho chị H nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được lợi ích toàn diện của cháu A, còn anh C có đầy đủ năng lực hành vi, có công ăn việc làm, có thu nhập ổn, có nhà ở. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu A, theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu Bùi Ngọc A

cho anh Bùi Thành C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của anh C được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên anh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Khoản 4 Điều 207, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật án phí và lệ phí.

Chấp nhận đơn kháng cáo của anh Bùi Thành C.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị H và anh Bùi Thành C.

Về con chung: Anh Bùi Thành C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Ngọc A, sinh ngày 01/09/2011 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Phạm Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.Chị Phạm Thị H có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Anh Bùi Thành C không phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, anh C được trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự TX. Q theo biên lai thu tiền số 0003723 ngày 15/02/2017.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND TX. Q;
- Thi hành án;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Kim Nhung